

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NA RÌ  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2021.

V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Thanh Bình**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Văn Sinh**.  
Bà **Nông Thị Giáp**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Ma Văn Chung**- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:** Bà **Triệu Kim Thúy**- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về: “*Ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị K**, sinh năm 1988 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị X**, là Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

\* Bị đơn: Anh **Bàn Đào X**, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Bàn Thị D**, sinh năm 1989 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2021, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Triệu Thị K trình bày:*

\* Về hôn nhân: Chị xây dựng gia đình với anh Bàn Đào X trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 21/5/2009. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sống cùng gia đình anh X ở thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh X thường xuyên uống rượu, cứ uống rượu về anh X lại mắng chửi chị, xúc phạm chị K, có lần vào năm 2019 anh X đi uống rượu về bắt chị K ngồi ở bàn thức cả đêm mà không được đi ngủ. Mâu thuẫn của hai vợ chồng ngày càng trầm trọng. Cuối năm 2019 chị K chuyển về ở cùng anh trai của chị K là anh Triệu Nguyên P cho đến nay, còn anh X bỏ vào tỉnh Đồng Nai làm công nhân và hai vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh Bàn Đào X.

\* Về con chung: Vợ chồng có 02 (Hai) con chung tên là Bàn Phúc V, sinh ngày 14/01/2005 và Bàn Thị Lan L, sinh ngày 20/8/2007. Các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay con chung Bàn Thị Lan L đang ở cùng với chị K còn con chung Bàn Phúc V đang ở cùng gia đình anh trai của anh X. Khi ly hôn chị K yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Bàn Thị Lan L cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị yêu cầu anh X trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Bàn Phúc V cho đến con chung đủ 18 tuổi. Do chị và anh X mỗi người nuôi 01 con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

\* Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về nợ chung: Hai vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai nợ.

*Tại biên bản xác minh ngày 15/4/2021 chị Bàn Thị D (chị dâu của anh X) trình bày lại ý kiến bị đơn anh Bàn Đào X như sau:*

Chị D là chị dâu của bị đơn anh Bàn Đào X. Sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án số 14/2021/TB-TLVA, ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn thì chị đã gọi điện thoại thông báo nội dung của thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn anh Bàn Đào X biết và anh X có ý kiến như sau:

Hiện nay anh X đang làm công nhân cho công ty XGX ở xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Về hôn nhân: Anh X nhất trí ly hôn với chị K.

Về con chung: Khi ly hôn anh X yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên là Bàn Phúc V, sinh ngày 14/01/2005. Anh X yêu cầu chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Bàn Thị Lan L, sinh ngày 20/8/2007. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh X và chị K không nợ ai và không cho ai nợ.

Anh X vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình và có nhờ chị D nhận hộ các văn bản tố tụng của Tòa án và chị D cũng nhất trí nhận hộ và cam kết sẽ thông báo nội dung cho anh X biết.

*Ngày 04/8/2021 bị đơn anh Bàn Đào X trình bày qua điện thoại và Tòa án đã lập biên bản làm việc (biên bản của Tòa án có sự chứng kiến của công chức tư pháp xã, nội dung do anh Bàn Đào K là anh trai của anh Bàn Đào X gọi điện thoại trao đổi, biên bản có xác nhận của UHND xã K) với nội dung như sau:*

\* Về hôn nhân: Anh X nhất trí ly hôn với chị Triệu Thị K.

\* Về con chung: Khi ly hôn anh X yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên là Bàn Phúc V, sinh ngày 14/01/2005. Anh X yêu cầu chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Bàn Thị Lan L, sinh ngày 20/8/2007. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

\* Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh X và chị K không nợ ai và không cho ai nợ.

Hiện nay anh X đang làm công nhân ở tỉnh Đồng Nai không về Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn để giải quyết việc ly hôn giữa anh X và chị K được. Anh X yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh X.

*Tại bản tự khai, biên bản làm việc và đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bàn Thị D trình bày:* Chị D đã trao đổi qua điện thoại với em trai chồng là anh Bàn Đào X về nguyện vọng của anh X muốn được nuôi dưỡng con chung Bàn Phúc V, sinh ngày 14/01/2005 sau khi ly hôn với chị K. Trong thời gian anh X đi làm công nhân ở tỉnh Đồng Nai anh X có nhờ chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu V và hàng tháng anh X gửi tiền về cho chị để lo cho cháu V sinh hoạt. Chị đã trao đổi với anh X và hoàn toàn chịu trách nhiệm thay anh X trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu V trong thời gian anh X đi làm xa nhà. Đề nghị Tòa án tạo điều kiện xem xét cho anh X được quyền trực tiếp nuôi cháu V sau khi ly hôn.

*Tại biên bản xác minh cùng ngày 17/3/2021 ông Triệu Nguyên S cung cấp thông tin như sau:* Ông S hiện nay đang giữ chức vụ Trưởng thôn của thôn C. Chị Triệu Thị K và anh Bàn Đào X kết hôn với nhau vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị K và anh X sinh sống cùng gia đình anh X ở thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống chị K và anh X sống hạnh phúc được với nhau mấy năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh X đánh đập chị K. Mâu thuẫn của hai vợ chồng theo ông S nắm được thì thôn có tổ chức hòa giải nhưng thời điểm đó ông S chưa làm trưởng thôn nên kết quả hòa giải như thế nào ông không biết. Anh X đi vào miền nam làm ăn còn chị Kiều hiện nay vẫn ở nhà anh trai ruột tại thôn Cốc T, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

*Tại biên bản xác minh ngày 15/4/2021 bà Bàn Thị M cung cấp thông tin như sau:* Bà M làm Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn C từ năm 2016 đến nay. Chị K và

anh X kết hôn với nhau vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn chị K và anh X sinh sống cùng gia đình anh X tại thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Năm 2014 cả hai vợ chồng vào trong miền nam làm ăn đến năm 2019 cả hai vợ chồng quay về thôn sinh sống với bà Bàn Thị H là mẹ đẻ của anh X được một thời gian thì anh X và chị K phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh X thường xuyên uống rượu, không chịu khó làm ăn, sau khi uống rượu vào hay mắng chửi chị K nhưng do chị K không báo nên Chi hội phụ nữ thôn không tổ chức hòa giải. Cũng trong năm 2019 anh X lại bỏ vào miền nam làm ăn đến tết anh X mới về thăm mẹ và các con, còn chị K cũng bỏ sang sống cùng anh trai ruột là anh Triệu Nguyên P ở cùng thôn từ đó đến nay. Theo bà nắm được thì anh X hiện nay đang đi làm công nhân ở tỉnh Đồng Nai, còn cụ thể anh X làm công ty nào và địa chỉ công ty đó ở đâu bà không nắm được.

*Tại biên bản xác minh ngày 15/4/2021 ông Triệu Nguyên S1 cung cấp thông tin như sau:* Từ năm 2006 đến năm 2020 ông làm trưởng thôn, đến tháng 8 năm 2020 ông chuyển sang làm trưởng ban mặt trận thôn. Chị K và anh X kết hôn với nhau vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn chị K và anh X sinh sống cùng gia đình anh X tại thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Năm 2014 cả hai vợ chồng vào trong miền nam làm ăn đến năm 2019 cả hai vợ chồng quay về thôn sinh sống với bà Bàn Thị H là mẹ đẻ của anh X được một thời gian thì anh X và chị K phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh X thường xuyên uống rượu, không chịu khó làm ăn, có lần sau khi uống rượu về anh X bắt chị K ngồi ở bàn uống nước cả đêm không cho chị K ngủ, hôm sau chị K có báo cho ông và ông đã đến nhà để hòa giải, kết quả hòa giải anh X hứa sẽ không tái phạm nhưng sau đó ông vẫn thấy anh X thường xuyên uống rượu. Cũng trong năm 2019 anh X lại bỏ vào miền nam làm ăn đến tết anh X mới về, còn chị K cũng bỏ sang sống cùng anh trai ruột là anh Triệu Nguyên P ở thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn từ đó đến nay.

*Tại biên bản xác minh ngày 17/3/2021 ông Nguyễn Duy L là Trưởng Công an xã K cung cấp thông tin như sau:* Qua kiểm tra sổ đăng ký thường trú của xã K thấy anh Bàn Đào X có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn trong hộ bà Bàn Thị C, chưa cắt chuyển hộ khẩu đi nơi khác. Hiện nay anh X không thường xuyên có mặt tại địa phương.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án, vì vậy bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Triệu Thị K được ly hôn với anh Bàn Đào X.

- *Về con chung:* Giao con chung Bàn Thị Lan L, sinh ngày 20/8/2007 cho chị K nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung tên là Bàn Phúc V,

sinh ngày 14/01/2005 cho anh X nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Chị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:* Chị Triệu Thị K có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Bàn Đào X. Bị đơn anh Bàn Đào X có hộ khẩu thường trú tại: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Người nhận các văn bản tố tụng trên là chị Bà Thị D (chị dâu anh X) và anh Bàn Đào K (anh trai anh X) đã cam đoan sẽ thông báo đến anh X nội dung của các văn bản tố tụng mà Tòa án đã tổng đạt. Tại các biên bản làm việc ngày 15/4/2021; 15/7/2021; 04/8/2021 và ngày 10/8/2021 chị D, anh K là chị dâu và anh trai của anh X đều khẳng định anh X vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, anh K, chị D đã thông báo lại nội dung các văn bản tố tụng mà Tòa án đã tổng đạt cho anh X biết. Thông báo lại cho anh X biết yêu cầu của Tòa án là anh X phải có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ việc ly hôn hoặc có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Yêu cầu anh X cung cấp địa chỉ cụ thể nơi hiện nay anh X đang làm việc để Tòa án liên hệ làm việc, tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, anh X vẫn không cung cấp địa chỉ nơi đang làm việc, anh X cũng không về để đến Tòa án theo yêu cầu của Tòa và anh X cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Tuy nhiên anh X có nhấn ý kiến của mình qua anh K, chị D, đồng thời đã có lần anh X gọi điện thoại trình bày ý kiến và đã được Tòa án lập thành văn bản thể hiện quan điểm đồng ý với nội dung đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của chị K.

Mặc dù anh X biết được việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị K và anh X. Được người thân thông báo lại nội dung các văn bản tố tụng, các yêu cầu của Tòa án. Nhưng anh X vẫn cố tình dấu diếm địa chỉ, không hợp tác, gây khó khăn, kéo dài quá trình Tòa án giải quyết vụ việc. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Na Rì tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Bàn Đào X là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Về quan hệ hôn nhân:* Chị Triệu Thị K và anh Bàn Đào X kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Kiều là do anh X thường hay

uống rượu, sau mỗi lần uống rượu anh X hay mắng chửi chị K, có lần sau khi uống rượu về anh x bắt chị K ngồi ở bàn uống nước cả đêm không cho chị K ngủ. Trong quá trình giải quyết vụ án anh X mặc dù không trực tiếp đến Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án nhưng anh X có thể hiện ý kiến của mình thông qua chị dâu và anh trai để cung cấp cho Tòa án và có lần anh X gọi điện thoại cho anh trai thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với chị K, về con chung thì anh X yêu cầu được nuôi cháu V, đồng ý cho chị K nuôi cháu L khi ly hôn, không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản, cấp dưỡng. Đề nghị tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh X vì anh X không về được. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về nội dung cuộc gọi thể hiện ý kiến của anh X có sự chứng kiến của đại diện UBND xã K, biên bản có xác nhận của UBND xã K. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp, do tòa án thu thập, kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định lời trình bày của chị K về nguyên nhân dẫn đến hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là có căn cứ. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh X đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị K là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị K và anh X có 02 (Hai) con chung tên là Bàn Phúc V, sinh ngày 14/01/2005 và Bàn Thị Lan L, sinh ngày 20/8/2007. Các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay con chung Bàn Thị Lan L đang ở cùng chị K, còn con chung Bàn Phúc V đang ở cùng gia đình anh trai anh X. Khi ly hôn chị K yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Bàn Thị Lan L cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh X yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Bàn Phúc V cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu của được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bàn Thị Lan L của chị K là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bàn Phúc V của anh X. HĐXX thấy rằng mặc dù hiện nay anh X không có mặt ở nơi đăng ký thường trú mà đi làm ăn xa, con chung Bàn Phúc V đang sinh sống cùng chị Bàn Thị D là chị dâu nhưng chị D cam kết sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu V trong thời gian anh X đi làm ăn xa và anh X hàng tháng vẫn gửi tiền về cho chị D để chị D lo việc sinh hoạt của cháu V. Do vậy, xét yêu cầu của anh X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu V sau ly hôn là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của cháu V nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*:

- Về tài sản chung: Nguyên đơn chị K không đề nghị Tòa án giải quyết. Bị đơn anh X cũng không có yêu cầu phản tố về việc giải quyết tài sản chung khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị K và anh X đều xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn là đồng bào dân tộc thiểu số (Dân tộc Dao), sinh sống ở thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn là vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Triệu Thị K.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung của chị Triệu Thị K.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Triệu Thị K được ly hôn với anh Bàn Đào X.

**2. Về con chung:** Giao con chung Bàn Thị Lan L, sinh ngày 20/8/2007 cho chị Triệu Thị K được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Giao con chung Bàn Phúc V, sinh ngày 14/01/2005 cho anh Bàn Đào X được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn chị Triệu Thị K và anh Bàn Đào X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:**

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: HĐXX Không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Triệu Thị K được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Chị K được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06982, ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án*

*dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Na Rì;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Na Rì;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Võ Thanh Bình**



